

VỀ TRƯỜNG HỢP MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CHO NGƯỜI TỰ Ý NỬA CHỪNG CHẤM DỨT VIỆC PHẠM TỘI

Trịnh Tiến Việt^(*)

1. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là một trong các chế định nhân đạo của luật Hình sự Việt Nam, có ý nghĩa nhằm động viên, khuyến khích người phạm tội từ bỏ dứt khoát và vĩnh viễn ý định thực hiện tội phạm đến cùng của mình, qua đó hạn chế hoặc loại bỏ những thiệt hại (hậu quả) nguy hiểm có thể gây ra cho các quan hệ xã hội được luật Hình sự bảo vệ.

Trong pháp luật hình sự Việt Nam trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985, chế định tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội chỉ được quy định trong các điều luật của một số văn bản pháp lý đơn hành, ví dụ như:

- Điều 20 Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967 quy định trường hợp giảm nhẹ hay miễn hình phạt: “... Có âm mưu phạm tội, nhưng đã tự nguyện không thực hiện tội phạm...”;

- Bản Tổng kết số 452-H52 ngày 10/08/1970 của Tòa án nhân dân tối cao về thực tiễn xét xử loại tội giết người quy định: “... Mặc dù đã rõ ràng can phạm có ý định giết người hoặc khi không xác định được rõ ràng ý thức của y, nhưng nếu được nửa chừng hành động, can phạm thấy nạn nhân đã bị thương tích, chủ động tự mình chấm dứt tấn công, tuy biết rằng còn có thể tiếp tục hành động, chỉ nên định tội là cố ý gây thương tích,

không nên định tội là cố ý giết người chưa đạt...” [5, tr.27].

Về sau, đến Bộ luật Hình sự năm 1985, chế định tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội đã được ghi nhận chính thức tại Điều 16 của Bộ luật này và trong quá trình áp dụng nó đã được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, bổ sung để áp dụng thống nhất một số quy định của Bộ luật Hình sự trong Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1988 và Nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 19/04/1989. Và đến lần pháp điển hóa lần thứ hai luật Hình sự - Bộ luật Hình sự năm 1999, chế định tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được quy định tại Điều 19 của Bộ luật và về cơ bản không có gì thay đổi so với chính nó trong Bộ luật Hình sự năm 1985 trước đây.

2. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là một khái niệm *pháp lý* mà trước đây chúng ta quen gọi là “*tự nguyện đình chỉ*” [4, tr.19]; [3, tr.114]. Đến Bộ luật Hình sự năm 1985 khái niệm này đã được quy định chính thức tại Điều 16 và sau đó nó tiếp tục được ghi nhận Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Điều 19 với nội dung như sau: “*Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản...*”. Hiện nay, trong

(*) Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

khoa học luật hình sự xung quanh khái niệm này còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau [8];[10];[3];[2]. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quy định của Bộ luật Hình sự có liên quan, kết hợp với thực tiễn áp dụng dưới góc độ khoa học luật Hình sự theo chúng tôi khái niệm này có thể được hiểu như sau: *Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là một chế định nhân đạo của luật Hình sự Việt Nam, thể hiện sự tự nguyện dứt khoát của một người không thực hiện ý định hoặc hành vi phạm tội của mình đến cùng mặc dù họ có khả năng thực hiện và điều kiện khách quan không có gì ngăn cản.*

3. Như vậy, trên cơ sở khái niệm đã nêu và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời gian qua, chúng ta có thể chỉ ra những *điều kiện* của tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội như sau:

Thứ nhất, việc chấm dứt thực hiện ý định hoặc hành vi phạm tội của người phạm tội phải tự nguyện và dứt khoát, có nghĩa người đó phải từ bỏ thực sự ý định phạm tội hoặc hành vi phạm tội mà họ đã bắt đầu, chứ không phải tạm thời dừng lại chốc lát để chờ cơ hội, điều kiện thuận lợi khác hay chuẩn bị kỹ lưỡng và đầy đủ hơn sẽ tiếp tục phạm tội. Nói một cách khác, xuất phát từ động lực (động cơ) bên trong của bản thân người phạm tội thúc đẩy mà họ đã tự bỏ hẳn ý định không thực hiện tội phạm đến cùng, mặc dù đối với họ hoàn toàn có khả năng khách quan để thực hiện và ngay cả thực tế khi dừng lại, người phạm tội vẫn tin tưởng rằng hiện tại không có trở ngại gì và nếu bản thân muốn thì họ vẫn có thể

tiếp tục thực hiện được tội phạm. Do đó, tất cả những trường hợp chủ thể dừng lại việc thực hiện tội phạm đến cùng do các nguyên nhân khách quan khác (như: do bị thúc ép, do bị bắt buộc, do bị phát hiện hay gặp trở ngại khác...) đều không được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Thứ hai, việc chấm dứt thực hiện tội phạm phải và chỉ xảy ra trong trường hợp tội phạm được thực hiện ở giai đoạn *chuẩn bị phạm tội* và giai đoạn *phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành*, chứ không thể xảy ra ở giai đoạn phạm tội chưa đạt đã hoàn thành hay giai đoạn tội phạm hoàn thành. Bởi lẽ, ở những trường hợp sau (phạm tội chưa đạt đã hoàn thành hay giai đoạn tội phạm hoàn thành) thì người phạm tội đã thực hiện được đầy đủ những dấu hiệu khách quan và chủ quan của tội phạm và việc dừng lại không thực hiện tội phạm hoàn toàn không làm thay đổi (mất đi) tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi do người đó thực hiện. Tuy nhiên, về mặt *lý luận* (khoa học) luật Hình sự cho thấy ở đây rõ ràng việc dừng lại vì phạm tội chưa đạt là do *điều kiện khách quan* ngăn cản nên không thực hiện được tội phạm đến cùng, còn việc dừng lại do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội lại do *ý thức chủ quan* của bản thân người phạm tội quyết định. Song, do phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành như lý luận (khoa học) luật Hình sự đã phân chia ở một mức độ nhất định hoàn toàn có thể khắc phục và ngăn chặn được hậu quả nguy hiểm cho xã hội xảy ra nên thực tiễn đấu tranh phòng và chống tội phạm vẫn cho người phạm tội

được hưởng chế định nhân đạo này (mặc dù giữa tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội và phạm tội chưa đạt là hoàn toàn khác nhau).

Ngoài ra, cần lưu ý là đối với trường hợp phạm tội chưa đạt *đã hoàn thành* thì không có tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Ví dụ: A định giết C, A đã chĩa súng vào C và bóp cò súng, nhưng đạn không nổ, sau đó y tự ý thôi không thực hiện hành vi nào để giết C nữa. Trong trường hợp này thì A vẫn phạm tội giết người chưa đạt chứ không được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Thứ ba, việc chấm dứt việc thực hiện tội phạm phải do chính bản thân người đó tự quyết định, mặc dù vào thời điểm thực tế quyết định chấm dứt việc thực hiện tội phạm, người phạm tội vẫn nhận thức được khả năng thực tế khách quan vẫn cho phép tiếp tục thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, trường hợp *“nếu một người nào đó quyết định ngừng thực hiện tội phạm sau khi thấy rõ ràng điều kiện khách quan không cho phép thực hiện được tội phạm thì không được thừa nhận là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội”* [6, tr.172].

Do đó, nếu đáp ứng đầy đủ những điều kiện trên, thì *“... Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm. Nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đầy đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này”*.

Ví dụ: Một người đã mua lựu đạn để giết người, mặc dù họ tự ý chấm dứt việc

giết người, vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép vũ khí quân dụng hoặc trường hợp định tham ô tài sản nhưng mới giả mạo được giấy tờ mà tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội tham ô tài sản, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giả mạo trong công tác.

Như vậy, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội chính là một trường hợp miễn trách nhiệm hình sự quy định trong Phần chung Bộ luật Hình sự năm 1999 (trong Phần chung còn có ba trường hợp quy định tại Điều 25 và một trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 69). Theo đó, một mặt nó thể hiện nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự Việt Nam, cho phép một người đã có ý định phạm tội, đã có hành vi chuẩn bị hoặc bắt tay vào việc thực hiện tội phạm nhưng đã nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được hưởng lượng khoan hồng, độ lượng của Nhà nước - không phải chịu trách nhiệm hình sự, - được miễn trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, đây cũng chính là một trong những biện pháp góp phần ngăn chặn những hậu quả nguy hiểm cho xã hội sẽ xảy ra, nó cũng cho phép một người có ý định phạm tội, đã có hành vi chuẩn bị hoặc bắt tay vào việc thực hiện tội phạm vẫn có khả năng lựa chọn cách xử sự của mình - hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm đến cùng và phải chịu trách nhiệm hình sự - hoặc không thực hiện hành vi phạm tội đến cùng thì bản thân sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự. Và trong một số trường hợp cụ thể khi một người có hành vi nguy hiểm cho xã hội, họ đã lựa chọn cách xử sự *thứ hai* và điều này thực tế rõ ràng có ý nghĩa rất

quan trọng vì đã góp phần hạn chế tới mức thấp nhất những thiệt hại (hậu quả) nguy hiểm cho xã hội có thể xảy ra.

4. Về trường hợp miễn trách nhiệm hình sự do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội tại Điều 19 Bộ luật Hình sự năm 1999, nhà làm luật nước ta mới chỉ quy định việc áp dụng biện pháp này đối với một loại người đồng phạm là người thực hành và ngay cả Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 chỉ mới hướng dẫn riêng về việc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội của người thực hành tội phạm mà chưa có hướng dẫn về việc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội trong các trường hợp có đồng phạm với ba loại người đồng phạm còn lại - người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức. Do đó, ngày 19/04/1989, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lại ban hành Nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 19/04/1989 Hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985, trong đó có hướng dẫn cụ thể vấn đề này [9]. Theo đó:

1) Đối với người xúi giục, người tổ chức phải thuyết phục, khuyên bảo, đe dọa để người thực hành không thực hiện tội phạm hoặc phải báo cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, báo cho người sẽ là nạn nhân biết về tội phạm đang được chuẩn bị thực hiện để cơ quan Nhà nước hoặc người sẽ là nạn nhân có biện pháp ngăn chặn tội phạm.

2) Đối với người giúp sức phải chấm dứt việc tạo những điều kiện tinh thần, vật chất cho việc thực hiện tội phạm (như không cung cấp phương tiện, công cụ phạm tội; không chỉ điểm, dẫn đường

cho kẻ thực hành...). Nếu sự giúp sức của người giúp sức đang được những người đồng phạm khác sử dụng để thực hiện tội phạm, thì người giúp sức cũng phải có những hành động tích cực như đã nêu ở trên đối với người xúi giục, người tổ chức để ngăn chặn việc phạm tội.

3) Và ngoài ra, trường hợp mặc dù người xúi giục, người tổ chức, người giúp sức được miễn trách nhiệm theo Điều 16 Bộ luật Hình sự trong trường hợp họ ngăn chặn được việc thực hiện tội phạm, hậu quả của tội phạm không xảy ra. Nhưng nếu những việc họ đã làm không ngăn chặn được tội phạm, hậu quả của tội phạm vẫn xảy ra, thì họ có thể vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự; họ chỉ có thể được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, nếu trước khi hành vi phạm tội bị phát giác mà họ đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm.

4) Thực tiễn xét xử cho thấy trong một số vụ án có nhiều người thực hành tội phạm đã có người tự ý nửa chừng từ bỏ ý định phạm tội, có người không từ bỏ ý định phạm tội. Trong trường hợp này, người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 16 Bộ luật Hình sự nếu họ đã không làm gì hoặc những việc mà họ đã làm trước khi từ bỏ ý định phạm tội không giúp gì cho những người đồng phạm khác trong việc tiếp tục thực hiện tội phạm.

Ví dụ: Bốn người rủ nhau đến bến xe khách để trộm cắp tài sản, nhưng không

bàn bạc gì cụ thể; trên đường đi một người đã bỏ về vì không muốn phạm tội nữa; ba người còn lại vẫn tiếp tục đến bến xe khách và lợi dụng sự sơ hở của một số hành khách đã trộm cắp được một số hành lý.

Còn nếu những việc mà họ đã làm được những người đồng phạm khác sử dụng để thực hiện tội phạm, thì họ cũng phải có những hành động tích cực để ngăn chặn việc thực hiện tội phạm đó, thì họ mới có thể được miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 16 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, nếu họ không ngăn chặn được những người đồng phạm khác thực hiện tội phạm, hậu quả của tội phạm vẫn xảy ra, thì họ có thể vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự tương tự như trường hợp về người xúi giục, người tổ chức, người giúp sức như đã nêu trên.

Ví dụ: Bốn người bàn bạc với nhau về việc trộm cắp tài sản ở một địa điểm nào đó; một người trong bọn họ đã vẽ sơ đồ chỉ dẫn cho đồng bọn cách đột nhập một cách an toàn vào nơi để tài sản, sau đó người này từ bỏ ý định phạm tội và cũng chỉ khuyên đồng bọn không nên phạm tội nữa; nhưng đồng bọn của người này vẫn sử dụng sơ đồ và sự chỉ dẫn của người này để thực hiện tội phạm thì người này vẫn có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, những hướng dẫn trong hai Nghị quyết đã nêu trên về trường hợp miễn trách nhiệm hình sự cho người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội hiện nay vẫn có ý nghĩa và giá trị pháp lý quan trọng trong đường lối xử lý tội phạm và người phạm tội, hướng dẫn

thống nhất cho các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm.

5. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là một trường hợp miễn trách nhiệm hình sự có tính chất *bắt buộc* đối với tất cả các cơ quan tư pháp hình sự khi có đủ các cơ sở cho thấy người phạm tội đã thực sự "*tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản*" và, đây chính là căn cứ *pháp lý* duy nhất được quy định trong luật. Tuy nhiên, về trường hợp miễn trách nhiệm hình sự do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 19), nhà làm luật nước ta mới chỉ quy định chính thức việc áp dụng nó đối với một loại người đồng phạm là người thực hành, mà chưa quy định cụ thể và rõ ràng việc áp dụng trường hợp này với ba loại người đồng phạm còn lại là người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức [7, tr.224]. Lẽ dĩ nhiên, về vấn đề này đã được hướng dẫn trong Mục I Nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 19/04/1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, nhưng chúng tôi thiết nghĩ nội dung này cần được nhà làm luật nước ta ghi nhận dứt khoát (chính thức) trong Bộ luật Hình sự năm 1999 hiện hành. Mặt khác, khi ghi nhận bổ sung nội dung này, cần thay cụm từ "*việc phạm tội*" bằng cụm từ "*tội phạm*" mới phù hợp với thực tiễn xét xử và bao quát hành vi của tất cả những người đồng phạm, chứ không chỉ riêng bản thân một loại người đồng phạm là người thực hành [8, tr.758-759].

Tóm lại, từ ý kiến hoàn toàn đúng đắn, khoa học và bảo đảm sức thuyết phục của GS.TSKH Đào Trí Úc là: “*Pháp luật, dù có hoàn thiện đến mấy cũng không thể phản ánh và quy định hết được tất cả những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống...*” [2, tr.209]. Do đó, dưới góc độ lập pháp hình sự chúng tôi xin đưa ra mô hình lý luận của điều luật về trường hợp miễn trách nhiệm hình sự cho người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 19 Bộ luật Hình sự năm 1999) nhằm hoàn thiện các quy phạm của chế định này như sau:

.....

Điều..... Miễn trách nhiệm hình sự cho người tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm

1. Giữ nguyên như quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 hiện hành (trên cơ sở nội dung quy phạm của Điều 19).

2. Người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức được miễn trách nhiệm hình sự nếu các biện pháp tích cực mà họ áp dụng đã ngăn chặn được việc thực hiện tội phạm đến cùng của người thực hành (mới).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam các năm 1985 & 1999.
2. Đào Trí Úc, *Luật Hình sự Việt Nam* (Quyển I - Những vấn đề chung), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
3. Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999 - Phần chung*, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
4. Đinh Văn Quế, *Pháp luật thực tiễn và án lệ*, NXB Đà Nẵng, 1999.
5. *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, TANDTC xuất bản, Hà Nội, 1975.
6. Kiều Đình Thụ, *Tìm hiểu Luật Hình sự Việt Nam*, NXB Đồng Nai, 1998.
7. Lê Cẩm, “Chế định miễn trách nhiệm hình sự trong luật Hình sự Việt Nam”, Trong sách: *Nhà nước và pháp luật Việt Nam trước thềm thế kỷ XXI*, Tập thể tác giả do TSKH Lê Cẩm chủ biên, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.
8. Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật Hình sự* (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
9. Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 19/04/1989 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.
10. Phạm Mạnh Hùng, Một số ý kiến về miễn trách nhiệm hình sự, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 2/1993.
11. Trịnh Tiến Việt, *Những trường hợp miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2004.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XXII, N₀2, 2006

ON THE SITUATION OF EXEMPTION THE CRIMINAL LIABILITY TO THE PERSON WHO STOPPED THE CRIMES IN THE MIDDLE

MA. Trinh Tien Viet

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi

On researching the situation of exemption the Criminal liability to the person who stopped the crimes in the middle, according to the regulation at Article 19, the author shoued its theoretical model in Vietnam Criminal Code, 1999.